

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – FAHASA**

**(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304132047
do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày
20/12/2005)**

**(Sửa đổi, bổ sung lần 6 theo Nghị quyết
Đại hội đồng cổ đông ngày 23/5/2015)**

Tháng 5 năm 2015

CHƯƠNG I : ĐIỀU KHOẢN CHUNG	4
Điều 1. Giải thích một số từ ngữ trong Điều lệ	4
Điều 2. Hình thức và tư cách pháp lý	5
Điều 3. Tên Công ty	6
Điều 4. Trụ sở chính	6
Điều 5. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh	6
Điều 6. Phạm vi kinh doanh và thời hạn hoạt động	8
Điều 7. Người đại diện theo pháp luật	8
Điều 8. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị – xã hội khác	8
CHƯƠNG II : QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY	9
Điều 9. Quyền hạn của Công ty	9
Điều 10. Nghĩa vụ của Công ty	9
CHƯƠNG III : VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ ĐÔNG – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU	10
Điều 11. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	10
Điều 12. Tăng giảm vốn điều lệ	10
Điều 13. Cổ phần	11
Điều 14. Chứng chỉ cổ phiếu – Sổ đăng ký cổ đông	10
Điều 15. Chào bán cổ phần	12
Điều 16. Chuyển nhượng cổ phần	12
Điều 17. Thừa kế cổ phần	13
Điều 18. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	13
Điều 19. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	13
Điều 20. Điều kiện thanh toán và xử lý cổ phần được mua lại	14
Điều 21. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại	14
Điều 22. Cổ đông	14
Điều 23. Quyền của Cổ đông Công ty	15
Điều 24. Nghĩa vụ của các cổ đông	16
Điều 25. Chi trả cổ tức	16
CHƯƠNG IV: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	17
Điều 26. Cơ cấu tổ chức quản lý	17
Điều 27. Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 28. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 29. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 30. Thể thức triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 31. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 32. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 33. Thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 34. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 35. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 36. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	23
Điều 37. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	23
Điều 38. Điều kiện ứng cử thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 40. Chủ tịch Hội đồng quản trị	26
Điều 41. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	26
Điều 42. Kiểm soát viên	27



Điều 43.	Tiêu chuẩn lựa chọn Kiểm soát viên	28
Điều 44.	Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát	25
Điều 45.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.	29
Điều 46.	Bộ máy điều hành Công ty	30
Điều 47.	Tổng Giám đốc	30
Điều 48.	Từ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc	32
Điều 49.	Ủy nhiệm, ủy quyền	32
CHƯƠNG V : CHẾ ĐỘ LAO ĐỘNG, QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG		32
Điều 50.	Tuyển dụng, thôi việc, sát hạch, nhận xét lao động.	32
Điều 51.	Nghĩa vụ, quyền lợi của người lao động.....	33
CHƯƠNG VI : CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, QUỸ DỰ TRỮ VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....		33
Điều 52.	Năm tài khóa, hệ thống kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.	33
Điều 53.	Trích lập quỹ và phân chia lợi nhuận	34
CHƯƠNG VII : TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, THANH LÝ, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ PHÁ SẢN		35
Điều 54.	Tổ chức lại	35
Điều 55.	Giải thể	35
Điều 56.	Thanh lý	35
Điều 57.	Giải quyết tranh chấp	36
Điều 58.	Phá sản.....	36
CHƯƠNG VIII : ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG.....		36
Điều 59.	Con dấu.....	36
Điều 60.	Bổ sung và sửa đổi điều lệ	37
Điều 61.	Ngày hiệu lực	37

3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH TP.HCM (FAHASA)**

Căn cứ :


- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11, đã được Quốc Hội Khóa XI của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 29-11-2005.
- Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16-11-2004 của Chính Phủ về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần.
- Thông tư số 126/2004/TT-BTC ngày 24-12-2004 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16-11-2004 của Chính phủ về chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần.
- Quyết định số 4551/QĐ-UBND ngày 31/8/2005 của Chủ tịch UBND TP.HCM về việc phê duyệt Phương án CPH và chuyển Công ty Phát hành sách TP.HCM thành Công ty cổ phần Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)

Chúng tôi, gồm những cổ đông Công ty Cổ phần Phát hành sách TP.HCM FAHASA cùng chấp thuận và cam kết thực hiện theo bản điều lệ công ty (kể cả những bổ sung, sửa đổi hợp pháp điều lệ sau này) gồm các điều khoản như sau :

CHƯƠNG I : ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Giải thích một số từ ngữ trong Điều lệ.

- 1.1.** Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
- a. **“Công ty”**: Công ty cổ phần Phát hành sách TP.HCM (FAHASA)
 - b. **“Vốn điều lệ”**: là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi vào điều lệ Công ty.
 - c. **“Cổ đông”**: Là thể nhân hay pháp nhân, được ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người chủ sở hữu của một hoặc nhiều cổ phần của Công ty.
 - d. **“Cổ phần”**: Là các phần hùn vốn có giá trị ngang nhau tạo thành vốn Điều lệ của Công ty.
 - e. **“Cổ phiếu”**: Là chứng chỉ góp vốn do Công ty phát hành hay bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.
 - f. **“Cổ tức”**: Là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty để trả cho mỗi cổ phần.
 - g. **“Nhóm cổ đông”**: Cổ đông của Công ty có thể tự thỏa thuận với nhau để hợp nhóm nhằm mục đích thực hiện các quyền của cổ đông.

 4

- h. **“Đại hội đồng cổ đông”**: Đại hội đồng cổ đông thường niên hay bất thường.
 - i. **“Hội đồng”**: Hội đồng quản trị của Công ty.
 - j. **“Những người có liên quan”**: Bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Điều lệ này và trong Luật Doanh nghiệp.
 - k. **“Luật doanh nghiệp”**: Luật Doanh nghiệp được Quốc Hội thông qua vào ngày 29 tháng 11 năm 2005.
 - l. **“Pháp luật”**: Tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động của Công ty.
 - m. **Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.**
- 1.2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản, quy định hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.
- 1.3. Các từ ngữ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có ý nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2. Hình thức và tư cách pháp lý.

2.1. Hình thức pháp lý

Công ty cổ phần Phát hành sách TP.HCM (FAHASA) (gọi tắt là Công ty) là Công ty được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Công ty cổ phần Phát hành sách TP.HCM Fahasa được thừa hưởng toàn bộ quyền lợi và trách nhiệm của Công ty Phát hành sách TP.HCM.

2.2. Tư cách pháp lý

Công ty cổ phần Phát hành sách TP.HCM (FAHASA) là Công ty :

- Thuộc sở hữu của các cổ đông.
- Có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, độc lập về tài chính, có tài khoản riêng được mở tại các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của Pháp luật.
- Có điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, chịu sự quản lý của các cơ quan có thẩm quyền theo luật định.
- Có vốn điều lệ và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn trong phạm vi vốn điều lệ.
- Hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.
- Có bảng cân đối kế toán riêng, có tài sản riêng, được lập các quỹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, có quyền tự quyết định một cách độc lập trong quá trình hoạt động của Công ty.

The bottom of the page features several handwritten signatures in blue ink. On the right side, there is a red circular stamp with some illegible text. The page number '5' is written in blue ink at the bottom right corner.

Điều 3. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH TP.HCM - FAHASA
- Tên giao dịch quốc tế : HOCHIMINH CITY BOOK DISTRIBUTION CORPORATION
- Tên viết tắt : FAHASA CORP.

Tên và biểu tượng của Công ty được đăng ký khi thành lập và là tài sản thuộc sở hữu của Công ty trong quá trình hoạt động.

Điều 4. Trụ sở chính

- Địa chỉ : 60-62 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
- Điện thoại : 8.225.446 – 8.223.988
- Fax : 8.225.795 Email : fahasa-sg@hcm.vnn.vn

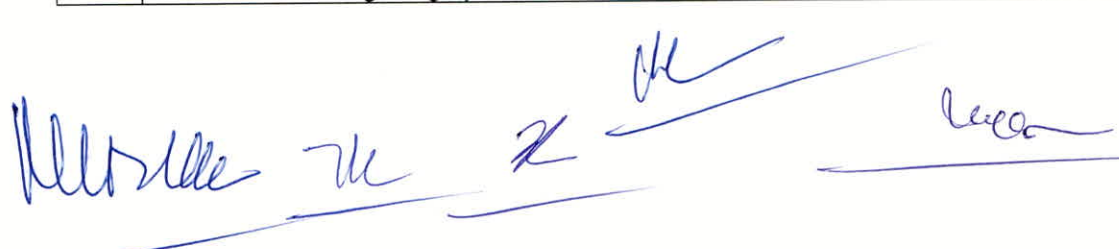
Việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính, giải thể chi nhánh hoặc thành lập thêm chi nhánh mới sẽ do Hội đồng quản trị (HĐQT) quyết định, đảm bảo thủ tục theo Luật định, thông báo cho Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) vào kỳ họp gần nhất.

Điều 5. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh.**5.1. Mục tiêu:**

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển các hoạt động kinh doanh và dịch vụ nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; Tạo việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống của người lao động trong Công ty; Đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

5.2. Ngành nghề kinh doanh :

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết : Kinh doanh phát hành sách, báo, tạp chí, văn hóa phẩm các loại, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội), mỹ phẩm. Xuất nhập khẩu mặt hàng sách, văn hóa phẩm, bưu thiếp, sổ lưu niệm. Mua bán giấy, mực in, Mua bán thủ công mỹ nghệ, đồ gỗ gia dụng, đồ nhựa các loại, thủy tinh các loại.	4761 (chính)
2	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết : Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc ngành ảnh, dụng cụ văn phòng, trường học, băng video, băng cassette trắng và có chương trình được phép lưu hành.	4773
3	In ấn Chi tiết : In sang băng video và băng cassette. In, kẻ tập học sinh, sổ công tác, đóng xén các loại sách. Sản xuất văn hóa phẩm, văn phòng phẩm. In ấn : in tờ gấp, tờ quảng cáo, catalogue, tạp chí và các chất liệu in khác. In sách báo, văn hóa phẩm, tem nhãn giấy tờ quản lý kinh tế - xã hội	1811
4	Dịch vụ liên quan đến in Chi tiết : Gia công cắt giấy cuộn	1812



STT	Tên ngành	Mã ngành
5	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép Chi tiết : Mua bán quần áo may sẵn	4641
6	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết : Mua bán rượu bia, bánh kẹo, thuốc lá điều sản xuất trong nước. Mua bán lương thực, thực phẩm công nghệ.	4721
7	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : Mua bán trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, hàng điện tử, kim khí điện máy. Mua bán nhựa, hạt màu và bao bì nhựa các loại.	4669
8	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : Sản xuất chế biến lương thực, thực phẩm công nghệ	1079
9	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết : Sản xuất, chế biến hóa mỹ phẩm	2023
10	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) Chi tiết : Sản xuất thiết bị văn phòng. Lắp ráp hàng điện tử, kim khí điện máy	2817
11	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết : Sản xuất đồ dùng trẻ em, đồ dùng gia đình.	3290
12	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết : Sản xuất nhựa, hạt màu và bao bì nhựa các loại. Sản xuất đĩa DVD, linh kiện sản xuất băng, đĩa nhạc.	2013
13	Hoạt động nhiếp ảnh. Chi tiết : Dịch vụ nhiếp ảnh.	7420
14	Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết : Đại lý ký gửi hàng hóa.	4610
15	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết : Kinh doanh nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở). Cà phê sách.	5610
16	Quảng cáo. Chi tiết : Quảng cáo trên báo, lịch, áp phích, tờ gấp, catalogue, pano.	7310
17	Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết : Thiết kế tạo mẫu trên máy vi tính.	7410
18	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết : Vận chuyển máy móc thiết bị cơ khí ngành in.	4933
19	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng kinh doanh. Chi tiết : Bán lẻ thiết bị viễn thông, sản phẩm điện tử, sách điện tử, sách kỹ thuật số, thiết bị đọc.	4741
20	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. (không kinh doanh được phẩm)	4759
21	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết : Tổ chức hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm.	8230

STT	Tên ngành	Mã ngành
22	Bán buôn tổng hợp. Chi tiết : Bán buôn lương thực, thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở), đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.	4690
23	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. Chi tiết : Bán buôn thiết bị vi tính.	4651
24	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết : Kinh doanh bất động sản.	6810
25	Bán buôn thực phẩm. Chi tiết : Bán buôn lương thực, thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).	4632
26	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết : Đào tạo kỹ năng mềm; Dạy ngoại ngữ và kỹ năng đàm thoại; Các khóa dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn, và phương pháp sử dụng tài liệu; Đào tạo kỹ năng giảng dạy.	8559

Điều 6. Phạm vi kinh doanh và thời hạn hoạt động.

6.1. Phạm vi kinh doanh

- Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
- Công ty có thể tiến hành bất kỳ hình thức kinh doanh nào khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

6.2. Thời hạn hoạt động

- Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều lệ này, Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.
- Công ty có thể chấm dứt hoạt động khi bị giải thể, phá sản hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Việc giải thể, phá sản Công ty được quy định tại Chương VII của Điều lệ này và các quy định của pháp luật về giải thể, phá sản.
- Công ty có phạm vi hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Người đại diện theo pháp luật.

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ này.

Điều 8. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị – xã hội khác.

- 8.1.** Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn và các tổ chức chính trị – xã hội trong Công ty hoạt động theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của tổ chức đó.
- 8.2.** Công ty tôn trọng và tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình và phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty.

8



CHƯƠNG II : QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 9. Quyền hạn của Công ty

- Sở hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty;
- Lựa chọn ngành, nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư kể cả liên doanh, góp vốn vào doanh nghiệp khác, chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh;
- Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn; Được chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu; được thế chấp các tài sản hoặc giá trị quyền sử dụng đất thuộc quyền quản lý của Công ty tại các ngân hàng để vay vốn sản xuất kinh doanh theo qui định của pháp luật.
- Quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông góp để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Quyết định của Hội đồng quản trị và pháp luật hiện hành.
- Tuyển chọn, đào tạo, sử dụng lao động hoặc cho thuê việc theo qui định của luật pháp, tổ chức bộ máy nhân sự, lựa chọn hình thức trả lương, thưởng phù hợp với mục tiêu và nội dung hoạt động của Công ty và qui định của pháp luật.
- Tự chủ sản xuất kinh doanh, liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần, mua, thuê tài sản theo qui định của pháp luật và Điều lệ này. Chủ động áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.
- Thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, chuyển hoặc giải thể các chi nhánh, đơn vị phụ thuộc và văn phòng đại diện ở trong và ngoài nước để hỗ trợ các mục tiêu của công ty phù hợp với Điều lệ này và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- Quyết định phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sau khi đã thực hiện đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và trích lập các quỹ theo Điều lệ.
- Khởi kiện các hành vi xâm hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.
- Các quyền khác do Pháp luật quy định

Điều 10. Nghĩa vụ của Công ty

- Kinh doanh đúng các ngành, nghề đã đăng ký; xây dựng chiến lược sản xuất, kinh doanh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu thị trường.
- Tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, về sự tăng trưởng và bảo toàn vốn của Công ty.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của mình, chịu trách nhiệm vật chất trong phạm vi vốn điều lệ.
- Lập sổ sách kế toán, ghi chép sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ và lập báo cáo tài chính trung thực, chính xác theo qui định của pháp luật về kế toán, thống kê và chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.
- Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật;
- Kê khai và định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và tình hình tài chính của Công ty với cơ quan đăng ký kinh doanh.
- Tuân thủ quy định của Pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường và phòng cháy chữa cháy.



- Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo qui định của Luật lao động
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG III : VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ ĐÔNG – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU

Điều 11. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ.

- Vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam hoặc bằng ngoại tệ hoặc bằng tài sản hữu hình hoặc bằng những giá trị tài sản vô hình do người góp và Công ty thỏa thuận theo quy định của Pháp luật được hạch toán và quy đổi theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Việt Nam đồng (VNĐ).
- Vốn điều lệ của Công ty do cổ đông của Công ty tự nguyện đóng góp dưới hình thức mua cổ phiếu. Vốn điều lệ được góp đủ một lần ngay khi phát hành cổ phiếu.

11.1. Vốn điều lệ :

- Vốn điều lệ của Công ty là 41.085.650.000 đồng Việt Nam (Bằng chữ : Bốn mươi một tỷ không trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).
- Số vốn này được chia thành : 4.108.565 cổ phần (Bốn triệu một trăm lẻ tám ngàn năm trăm sáu mươi lăm cổ phần)
- Mệnh giá mỗi cổ phần : 10.000 đồng (Mười ngàn đồng)

11.2. Cơ cấu vốn điều lệ :

Cơ cấu vốn của các cổ đông như sau :

- Cổ đông Nhà nước : góp 45,1% vốn điều lệ, tương ứng 1.851.833 cổ phần
- Cổ đông khác : góp 54,9% vốn điều lệ, tương ứng với 2.256.732 cổ phần.

11.3. Vốn điều lệ được sử dụng cho các hoạt động :

- Vốn điều lệ được dùng để mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị, mở rộng qui mô hoạt động của Công ty.
- Phát triển kỹ thuật, công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Cung cấp vốn lưu động cho các hoạt động kinh doanh.
- Đầu tư vào sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực hoạt động của Công ty.
- Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn, liên doanh ... khi xét thấy cần phải đầu tư vì lợi ích của Công ty.
- Các đầu tư cần thiết về bất động sản.

Điều 12. Tăng giảm vốn điều lệ

12.1. Vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh tăng trong các trường hợp sau :

- Phát hành cổ phiếu mới để huy động thêm vốn theo quy định của Pháp luật. Trong trường hợp này giá cổ phiếu phát hành mới có thể cao hoặc thấp hơn mệnh giá cổ phần ghi trong Điều lệ, do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng không thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán cổ phiếu đó, ngoại trừ những cổ phiếu được ưu tiên bán cho các cổ đông cũ. Phần chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá sẽ được hạch toán theo qui định của pháp luật.



- Chuyển đổi trái phiếu đã phát hành thành cổ phần : Việc tăng vốn điều lệ chỉ được thực hiện khi đã đảm bảo đủ các điều kiện để trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần theo quy định của pháp luật và phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi.
- Thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu.
- Chuyển từ các quỹ và/hoặc lợi nhuận giữ lại thành cổ phần cho các cổ đông.
- Phát hành cổ phiếu mới để thực hiện sáp nhập một bộ phận hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác vào Công ty.

12.2. Vốn điều lệ của công ty được điều chỉnh giảm trong các trường hợp sau :

- Giảm vốn điều lệ khi nhu cầu về vốn của Công ty giảm do Công ty thay đổi ngành nghề kinh doanh, tổ chức lại với quy mô nhỏ hơn trước.

Điều 13. Cổ phần

13.1. Vốn điều lệ Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là "cổ phần". Cổ phần là đơn vị sở hữu vốn nhỏ nhất của Công ty.

13.2. Tại thời điểm thành lập, Công ty chỉ có một loại cổ phần duy nhất là cổ phần phổ thông ("cổ phần"), và người sở hữu loại cổ phần này là cổ đông phổ thông ("cổ đông"). Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

13.3. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định có thêm loại cổ phần khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Ngược lại cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

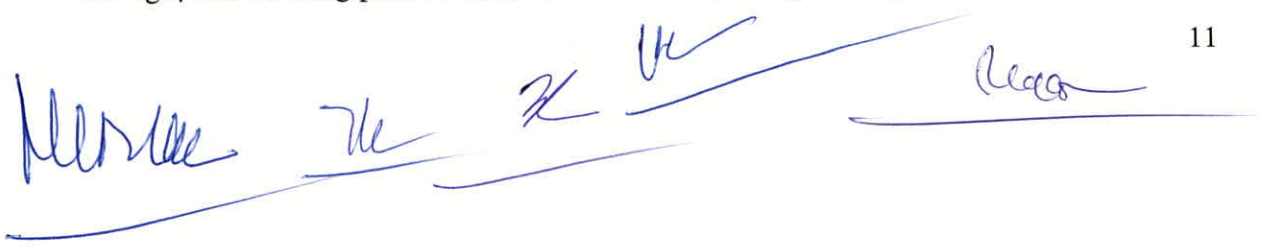
13.4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

Điều 14. Chứng chỉ cổ phiếu – Sổ đăng ký cổ đông

14.1. Chứng chỉ cổ phiếu :

- Mọi cổ đông đều có quyền được cấp một chứng chỉ cổ phiếu nhất định.
 - Mọi chứng chỉ cổ phiếu phát hành phải được đóng dấu Công ty và có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ này nêu rõ số lượng và loại cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu, họ và tên người nắm giữ, số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty, ngày phát hành cổ phiếu và các thông tin khác mà Luật Doanh nghiệp quy định.
 - Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong sổ đăng ký cổ đông liên quan đến một cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ cổ phiếu (trong trường hợp phát hành) trong vòng một tháng sau khi mua hoặc chuyển nhượng.
 - Trường hợp chuyển nhượng toàn bộ cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh thì chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và một chứng chỉ mới sẽ được cấp miễn phí cho người nhận chuyển nhượng.
 - Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.
- Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây :

11



a. Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy.

b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

14.2. Sổ đăng ký cổ đông

- Công ty lập và lưu trữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.

- Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau :

+ Tên Công ty, địa chỉ văn phòng Công ty.

+ Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán, số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

+ Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.

Điều 15. Chào bán cổ phần

15.1. Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường của cổ phần tại thời điểm chào bán, trừ các trường hợp :

- Cổ phần chào bán lần đầu tiên khi thành lập Công ty.

- Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện nắm giữ.

- Trong trường hợp cổ phần chào bán cho người làm môi giới hoặc người làm bảo lãnh, giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường của cổ phần trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Hoa hồng được xác định bằng tỷ lệ phần trăm của giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán.

15.2. Cổ phần đã được bán hoặc đã được chuyển nhượng khi đã ghi đúng và đủ những thông tin theo quy định của pháp luật vào sổ đăng ký cổ đông, kể từ thời điểm đó người mua cổ phần hoặc người nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

15.3. Thủ tục và trình tự chào bán cổ phần phải tiến hành theo đúng quy định của Pháp luật.

Điều 16. Chuyển nhượng cổ phần

16.1. Tất cả cổ phần của công ty đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Luật pháp có quy định khác. Cổ đông khi chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký tại trụ sở chính của công ty.

Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có



quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của công ty.

Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

16.2. Hội đồng quản trị hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần ghi danh nào chưa được thanh toán đầy đủ.

16.3. Việc chuyển nhượng cổ phần tạm ngưng trong vòng 15 ngày trước ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Thừa kế cổ phần

17.1. Công ty tôn trọng quyền thừa kế cổ phiếu hợp pháp theo quy định của Pháp luật. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp, thì họ phải cử 01 (một) đại diện sở hữu duy nhất dưới hình thức ủy quyền có công chứng. Trường hợp có di chúc hợp pháp đã có phân chia cụ thể cho những người được thừa kế hoặc có sự thỏa thuận hợp pháp giữa những người được thừa kế thì sẽ được phân chia sở hữu tương ứng với số cổ phần được thừa kế. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế hợp pháp.

17.2. Người có quyền thừa kế hợp pháp được đăng ký làm sở hữu chủ cho các cổ phiếu được thừa kế để trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.

17.3. Việc thừa kế quyền sở hữu cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các chức danh quản lý khác trong Công ty không kèm việc thừa kế tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các chức danh quản lý khác trong Công ty.

Điều 18. Mua lại cổ phần theo đề nghị của cổ đông.

18.1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông qui định trong điều lệ Công ty có thể đề nghị Công ty mua lại cổ phần của mình.

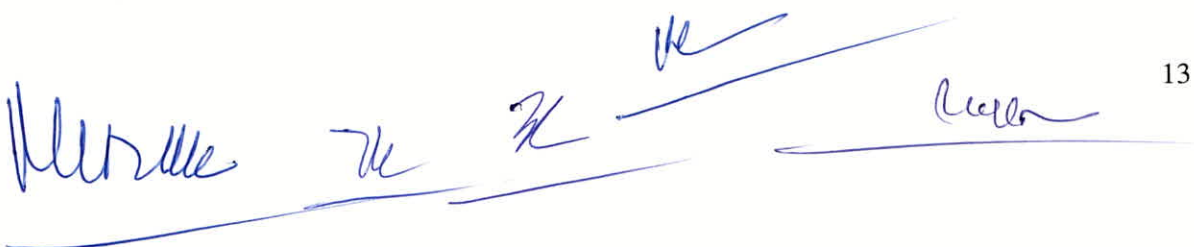
Đề nghị phải lập bằng văn bản, trong đó, nêu rõ tên, địa chỉ cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Đề nghị phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về vấn đề nói tại khoản này.

18.2. Công ty mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông qui định tại khoản 1 điều này với giá thị trường hoặc giá thỏa thuận trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp không thỏa thuận được về giá, thì các bên có quyền yêu cầu Trọng tài hoặc Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Điều 19. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty.

19.1. Việc mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty được thực hiện theo Điều 91, Luật doanh nghiệp 2005 trừ trường hợp có nghị quyết khác đi của Đại hội đồng cổ đông không trái với pháp luật nước CHXHCNVN.

19.2. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo qui định sau đây :

The bottom of the page features several handwritten signatures in blue ink. On the right side, there is a red circular stamp with some illegible text inside. The page number '13' is printed in the bottom right corner.

- Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định.
- Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp qui định tại khoản 3 điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác, thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

19.3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông báo. Thông báo phải có tên và trụ sở Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo.

Điều 20. Điều kiện thanh toán và xử lý cổ phần được mua lại.

20.1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 19 của Bản điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

20.2. Tất cả các cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 19 của Bản điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán trong số cổ phần được quyền chào bán.

Điều 21. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại.

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với qui định tại khoản 1 Điều 92 của Luật doanh nghiệp 2005 hoặc trái với qui định của Điều lệ Công ty thì tất cả cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận; trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty.

Điều 22. Cổ đông.

22.1. Cổ đông của Công ty cổ phần FAHASA là pháp nhân hoặc thể nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty. Thể nhân phải đủ 18 tuổi và có đủ năng lực hành vi dân sự. Trường hợp chưa đủ tuổi hoặc không đủ năng lực hành vi dân sự thì phải có người giám hộ theo luật định.

22.2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty.

22.3. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông

22.4. Cổ đông sáng lập Công ty là các tổ chức và cá nhân có đủ các điều kiện sau :

- Tham gia hoặc ủy quyền cho người đại diện tham gia thông qua Điều lệ lần đầu của Công ty.
- Cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán.
- Sở hữu số lượng cổ phần đảm bảo mức tối thiểu là 2% toàn bộ số cổ phần của Công ty ở thời điểm Đại hội đồng cổ đông thành lập được tổ chức.

22.5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập được lập theo qui định của Luật doanh nghiệp nêu tại Phụ lục đính kèm.

22.6. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông tại Công ty.

- Người đại diện cho cổ đông là pháp nhân là người được pháp nhân cử đại diện phần vốn góp theo giấy ủy quyền hoặc văn bản được lập theo quy định của pháp luật với điều kiện người được ủy quyền phải có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi. Người được ủy quyền làm đại diện không được ủy quyền lại cho người khác.
- Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự làm đại diện cho mình tại Công ty. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác. Giấy ủy quyền phải có xác nhận của UBND phường.
- Cổ đông có nhu cầu thay đổi người ủy quyền phải có đơn gửi Hội đồng quản trị xem xét và phải lập lại thủ tục ủy quyền nêu trên.
- Cổ đông có thể tự mình hoặc tự tổ chức thành nhóm để cử một người đại diện tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Giấy ủy quyền phải có đủ chữ ký của người ủy quyền và người nhận ủy quyền.
- Trường hợp một cổ đông pháp nhân mới được sáp nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ, thì cổ đông pháp nhân mới này phải gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc kế thừa để Hội đồng quản trị xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần, cổ tức đúng theo Điều lệ và Pháp luật qui định.
- Trường hợp cổ đông pháp nhân giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc cá nhân khác theo quyết định của Hội đồng giải thể của pháp nhân đó.

Điều 23. Quyền của Cổ đông Công ty.

23.1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ.

23.2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau :

- a. Tham dự hoặc cử đại diện tham dự và biểu quyết tất cả những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Việc cử đại diện phải được lập thành văn bản, mỗi văn bản chỉ có giá trị một lần. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết ;
- b. Nhận cổ tức;
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phiếu theo quy định của Điều lệ này và Luật pháp;
- d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến mình trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;



- f. Trong trường hợp Công ty bị giải thể, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ; các nghĩa vụ và sau các cổ đông ưu đãi;
 - g. Đề nghị Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong Điều 18 của Điều lệ này;
 - h. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
- 23.3.** Cổ đông Nhà nước thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo qui định tại Điều 45, 46 Nghị định 199/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004 của Chính phủ.
- 23.4.** Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên, có các quyền sau :
- a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại các Điều 38.2 và 42.7 tương ứng;
 - b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Xem và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Nghĩa vụ của các cổ đông.

- 24.1.** Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế; các quyết định của Hội đồng quản trị và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Giám sát và góp ý kiến về hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty, Ban kiểm soát;
- 24.2.** Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định, chịu trách nhiệm về số lỗ của Công ty tương ứng với tỷ lệ số cổ phần mình sở hữu và chỉ chịu trách nhiệm về những khoản nợ của Công ty trong phạm vi số cổ phần của mình;
- 24.3.** Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động kinh doanh của Công ty;
- 24.4.** Tham dự và biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo các hình thức đã được quy định tại bản điều lệ này. Nếu không thực hiện nghĩa vụ này, cổ đông được xem như đã từ bỏ quyền lợi của mình và mọi sự khiếu nại sẽ không được chấp nhận.
- 24.5.** Hoàn thành các nghĩa vụ khác do luật pháp quy định.

Điều 25. Chi trả cổ tức

- 25.1.** Cổ tức là lợi tức của năm kinh doanh trích từ lợi nhuận của Công ty để trả cho mỗi cổ phần. Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo qui định của pháp luật và ngay khi trả hết cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Trường hợp trả cổ tức trái với qui định trên, thì tất cả cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận; trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì cổ đông đó và thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của công ty.

- 25.2.** Chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức, Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ

16



phần, thời hạn và hình thức trả. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ số cổ phần của cổ đông, tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.

- 25.3.** Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.
- 25.4.** Tùy theo tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông với mức tạm ứng thích hợp.
- 25.5.** Cổ đông đến nhận cổ tức sau thời hạn thông báo sẽ không được tính lãi.

CHƯƠNG IV : CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 26. Cơ cấu tổ chức quản lý.

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 27. Đại hội đồng cổ đông.

27.1. Đại hội đồng cổ đông.

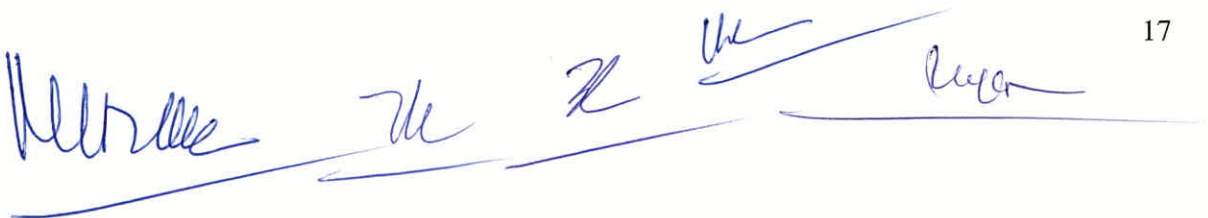
- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần, do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
- Tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự Đại hội đồng cổ đông thành lập, Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường theo Khoản 1 điều 32 của Điều lệ này.

27.2. Đại hội đồng cổ đông thành lập.

- Đại hội đồng cổ đông thành lập là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần đầu tiên do Trưởng ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp triệu tập.
- Nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông thành lập :
 - Thảo luận và thông qua điều lệ, phương án hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

27.3. Đại hội đồng cổ đông bất thường.

Trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Người quản lý quy định tại Điều 37.3 của Điều lệ này, Hội đồng quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao hoặc phát sinh những vấn đề bất thường ảnh hưởng đến tổ chức và



hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo yêu cầu của một trong số những người hoặc nhóm người sau đây :

- Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Ít nhất 2/3 số thành viên của Ban kiểm soát nhưng trong đó phải có Trưởng ban kiểm soát.
- Tổng Giám đốc
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng.

Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu trên. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp, Ban kiểm soát sẽ phải triệu tập cuộc họp cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp, những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu trên có thể triệu tập cuộc họp này.

Tất cả chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

27.4. Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập hàng năm và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo.

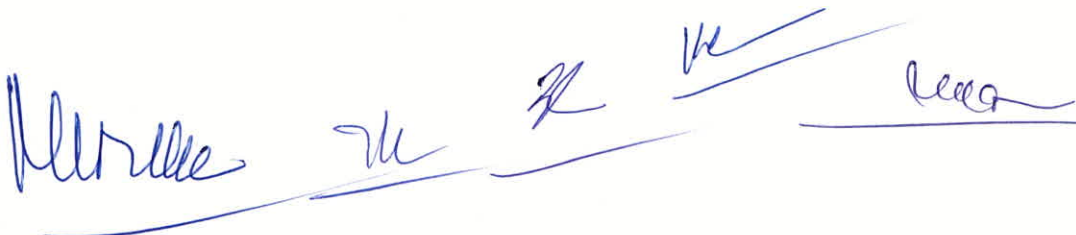
Điều 28. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

28.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau :

- a. Báo cáo tài chính hàng năm ;
- b. Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình Công ty ;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị ;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

28.2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua Nghị quyết về các vấn đề sau :

- a. Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm ;
- b. Mức cổ tức được thanh toán hàng năm theo đề nghị của Hội đồng quản trị phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
- c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- d. Bầu, miễn nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- f. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
- g. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;



- h. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- i. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- j. Giao dịch mua hoặc bán tài sản Công ty có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo sổ sách kế toán tại thời điểm gần nhất;
- k. Công ty mua hoặc mua lại lớn hơn 10% tổng số cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đang phát hành;
- l. Công ty ký kết hợp đồng với những người quy định tại điều 120.1 của Luật doanh nghiệp;
- m. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 29. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

- 29.1.** a. Đại hội đồng cổ đông do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tịch cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- c. Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- d. Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá 3 người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- 29.2.** Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 của Điều này, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bởi từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số sở phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- 29.3.** Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tổ chức lại và giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty phải được thông qua bởi từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
- 29.4.** Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.



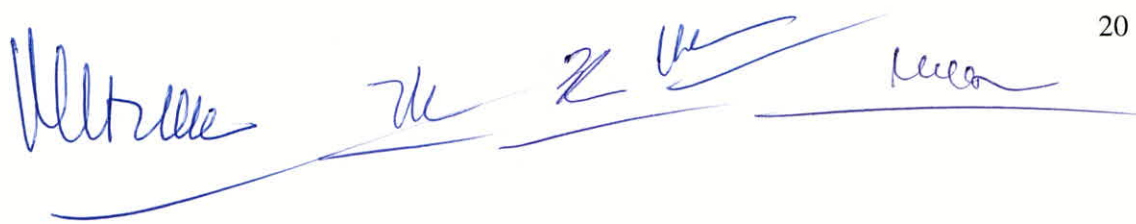
- 29.5. Nếu triệu tập lần thứ nhất không đạt tỷ lệ thì triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc và phải có ít nhất số cổ đông tham dự đại diện cho 51% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- 29.6. Nếu triệu tập lần thứ hai vẫn không đạt được tỷ lệ quy định thì triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc và lần này không phụ thuộc vào số lượng cổ đông dự họp.

Điều 30. Thể thức triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- 30.1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau :
- Lập một danh sách các cổ đông có quyền dự họp tại Đại hội đồng cổ đông chậm nhất 10 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; Chương trình họp và các tài liệu phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
 - Xác định thời gian và địa điểm đại hội;
 - Thông báo cho tất cả các cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội.
 - Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được gửi bằng thư cho cổ đông ít nhất 7 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông.
- 30.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 23.4 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải ghi rõ họ và tên cổ đông, số lượng, loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
- 30.3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 2 của điều này nếu :
- Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn;
 - Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 06 tháng trở lên;
 - Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết;
 - Vấn đề đề xuất không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 30.4. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết.

Điều 31. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

- 31.1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 31.2. Danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ thường trú đối với cá nhân; Tên, trụ sở đối với tổ chức; Số lượng cổ phần mỗi loại của từng cổ đông.
- 31.3. Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin có liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và



quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

31.4. Cổ đông và nhóm cổ đông đại diện cho trên 10% cổ phần của Công ty trong 6 tháng liên tiếp có quyền yêu cầu được xem danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 32. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

32.1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo qui định tại khoản 3 Điều 96 của Luật Doanh nghiệp 2005 thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

32.2. Việc chỉ định đại diện được ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu mà Hội đồng quản trị chấp thuận và :

- a. Trường hợp là cá nhân thì phải được ký bởi người ủy quyền và người được ủy quyền dự họp.
- b. Trường hợp là Công ty thì phải được người được ủy quyền hợp lệ của Công ty đó ký và đóng dấu.
- c. Việc ủy quyền được thực hiện cho từng vụ, việc. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác. Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng văn bản gửi Hội đồng quản trị chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33. Thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

33.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

33.2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên Đại diện được ủy quyền và số phiếu của cổ đông đó. Việc biểu quyết tại Đại hội được tiến hành bằng cách thu số thẻ ủng hộ nghị quyết trước, thu số thẻ phản đối nghị quyết đó sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành hay phản đối một vấn đề, hoặc bỏ phiếu trắng sẽ được chủ tọa thông báo ngay sau khi việc biểu quyết được tiến hành. Đại hội sẽ tự chọn trong số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có mặt những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu. Nếu Đại hội không chọn thì Chủ tọa của Đại hội sẽ chọn những người đó.

33.3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận, các trường hợp sau phải được 75% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp chấp thuận :

- Loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại ;
- Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty ;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty ;
- Bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán.



21

- 33.4. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết theo qui định tại khoản 3 của điều này.
- 33.5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả cổ đông.
- 33.6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 34. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Trong thời hạn 90 ngày (chín mươi), kể từ ngày quyết định được thông qua, các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau :

- Trình tự và thủ tục triệu tập ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo qui định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Nội dung quyết định vi phạm qui định pháp luật hoặc điều lệ Công ty.

Điều 35. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

35.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau :

- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
- Chương trình làm việc.
- Chủ tọa và thư ký.
- Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông.
- Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, số phiếu chấp thuận, số phiếu không chấp thuận và số phiếu trắng, các vấn đề đã được thông qua.
- Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết.
- Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

35.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp, và được gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày sau khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Các biên bản này được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đó trừ khi có ý kiến phản đối được đưa ra một cách hợp lệ về nội dung biên bản trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi những biên bản đó đi.

35.3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng Việt, được chủ tọa Đại hội và thư ký ký xác nhận và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

 22

Điều 36. Thành phần và nhiệm kỳ.

- 36.1.** Thành viên của Hội đồng quản trị có 5 người do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc bãi miễn. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 5 năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.
Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.
- 36.2.** Cơ quan đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần quyết định cử người tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị để làm nhiệm vụ là người trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước trong Công ty cổ phần.
- 36.3.** Hội đồng quản trị bầu và bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị theo thể thức đa số phiếu – quá bán (mỗi thành viên HĐQT có một phiếu bầu). Việc bầu có thể tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu hoặc biểu quyết.
- 36.4.** Các thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty nhưng không được làm thành viên Ban Kiểm soát.
- 36.5.** Các thành viên Hội đồng quản trị trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình phải thực hiện các nghĩa vụ theo Điều 118 và 119 Luật Doanh nghiệp 2005 và các văn bản pháp luật liên quan.
- 36.6.** Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

Điều 37. Quyền hạn, nhiệm vụ và quyền lợi của Hội đồng quản trị.

- 37.1.** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
- 37.2.** Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác trong quá trình họ thực thi nhiệm vụ và các nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc theo qui định của Điều lệ Công ty.
- 37.3.** Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy chế nội bộ của Công ty quy định. Trong đó, có những quyền hạn và nhiệm vụ chủ yếu sau đây :
- a. Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các mục tiêu và chiến lược phát triển Công ty;
 - b. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc ; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc;
 - c. Quyết định mức lương, tiền thưởng và các lợi ích khác cho Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;



- d. Đề xuất các loại và tổng số cổ phiếu từng loại phát hành; Phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu;
- e. Quyết định giá chào bán bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi; Định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền;
- f. Kiến nghị mức cổ tức được trả để Đại hội đồng cổ đông quyết định, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
- g. Xem xét việc chuyển nhượng các cổ phần của các cổ đông sáng lập.
- h. Quyết định thành lập Công ty thành viên hoặc các văn phòng đại diện của Công ty; việc góp vốn, mua cổ phần của đơn vị khác ;
- i. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã bán của từng loại;
- j. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- k. Thông qua Hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán của Công ty tại thời điểm gần nhất ;
- l. Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông về việc bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ Công ty, việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty ;
- m. Quyết định phương án đầu tư, trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, máy móc thiết bị có mức đầu tư trên 30% vốn điều lệ của Công ty ;
- n. Trình Báo cáo tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.
- o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để ĐH đồng cổ đông thông qua quyết định.
- p. Chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, những sai phạm trong quản lý gây ra thiệt hại cho Công ty.

37.4. Quyền lợi của Hội đồng quản trị :

- a. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao do Đại hội cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT.
- b. Các chi phí hoạt động và thù lao của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý Công ty.
- c. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào của Công ty sẽ được trả lương và phụ cấp tương ứng với chức vụ đó.

Điều 38. Điều kiện ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.

38.1. Người ứng cử vào HĐQT phải là người có các điều kiện sau :

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo qui định của Luật Doanh nghiệp.
- Có trình độ Đại học, có chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.
- Cổ đông sở hữu trên 5% tổng số cổ phần của Công ty trong thời hạn liên tục 6 tháng trở lên, hoặc người đại diện theo ủy quyền để ứng cử thành viên Hội đồng

24



quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần trên 10% tổng số cổ phần của Công ty.

- Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đương nhiệm các chức danh quản lý doanh nghiệp của đối thủ cạnh tranh. Ngoại trừ trường hợp những người do Nhà nước cử đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty, những người do Công ty cử đại diện vốn tại doanh nghiệp khác mà Công ty có góp vốn.

38.2. Điều kiện đề cử thành viên Hội đồng quản trị :

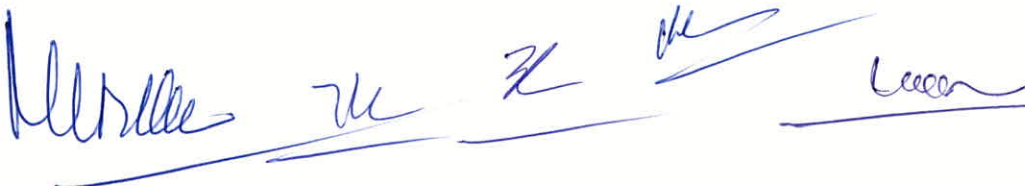
- Mỗi cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian từ 06 tháng liên tục trở lên có quyền đề cử một ứng viên vào Hội đồng quản trị. Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian từ 06 tháng liên tiếp trở lên có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Hội đồng quản trị. Nếu tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của họ nằm trong khoảng từ trên 10% đến dưới 30% thì họ được đề cử 01 người ; nếu từ 30% đến dưới 50% họ được đề cử 02 người ; từ 50% đến dưới 70% được đề cử 03 người và trên 70% được đề cử 04 người. Trường hợp đề cử tại Đại hội đồng cổ đông thành lập thì không ràng buộc thời hạn sở hữu cổ phiếu.
- Người được đề cử phải có đủ điều kiện như tại khoản 38.1 Điều này.
- Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

39.1. Một thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau :

- a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị nữa theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị Luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị ;
- b. Thành viên có gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty ;
- c. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

39.2. Nếu Hội đồng quản trị không còn đủ 2/3 số thành viên thì HĐQT phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong vòng 60 ngày. Trong các trường hợp bị khuyết khác sẽ do cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất bầu thành viên mới ; Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực cho đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra



ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

39.3. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo trên ít nhất 2 tờ báo chính thức được nhiều người biết đến tại Việt Nam trong vòng 5 ngày kể từ ngày bổ nhiệm.

Điều 40. Chủ tịch Hội đồng quản trị.

40.1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty khi được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

40.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được HĐQT bầu hoặc bãi miễn với đa số phiếu (quá bán) theo thể thức trực tiếp bỏ phiếu hoặc biểu quyết, mỗi thành viên HĐQT có một lá phiếu bầu.

40.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây :

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Chuẩn bị chương trình nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác;
- Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.

40.4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì ủy quyền cho Phó Chủ tịch HĐQT thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên HĐQT còn lại chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 41. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

41.1. Các cuộc họp Thường kỳ: Chủ tịch của Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 7 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một lần.

41.2. Các cuộc họp bất thường : Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn :

- a. Tổng Giám đốc điều hành;
- b. Ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên;
- c. Hai thành viên trong Ban kiểm soát.

41.3. Địa điểm họp : Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa điểm đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng quản trị và được sự nhất trí của đa số (quá bán) thành viên Hội đồng quản trị.



- 41.4. Thông báo và chương trình họp :** Các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng 5 ngày trước khi tổ chức. Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt bao gồm nội dung chương trình họp, thời gian, địa điểm và kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.
- 41.5. Số thành viên tham dự tối thiểu :** Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
- 41.6. Biểu quyết :** Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng sẽ có một phiếu biểu quyết.
- 41.7. Biểu quyết đa số :** Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, Chủ tịch sẽ là người có lá phiếu quyết định.
- 41.8. Biên bản cuộc họp :** Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

BAN KIỂM SOÁT

Điều 42. Kiểm soát viên

- 42.1.** Kiểm soát viên là những người thay mặt cổ đông để kiểm soát hoạt động của Công ty.
- 42.2.** Ban kiểm soát có 03 thành viên, trúng cử hoặc bị bãi miễn với 65% phiếu tại Đại hội đồng cổ đông bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu.
- 42.3.** Trưởng ban kiểm soát do các Kiểm soát viên bầu hoặc bãi miễn với đa số phiếu (quá bán) bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu hoặc biểu quyết.
- 42.4.** Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên có cùng nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị và có thể kéo dài 90 ngày để giải quyết các tồn đọng trong trường hợp đặc biệt. Các kiểm soát viên có thể được bầu lại.
- 42.5.** Trong nhiệm kỳ, nếu khuyết một kiểm soát viên thì Hội đồng quản trị chỉ định tạm thời một cổ đông làm kiểm soát viên thay thế. Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất phải bầu bổ sung cho đủ tổng số. Trong nhiệm kỳ, nếu khuyết 2 kiểm soát viên trở lên thì Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.
- 42.6.** Ban kiểm soát bầu một thành viên làm trưởng ban ; Trưởng ban kiểm soát phải là người có chuyên môn về kế toán.



27

- 42.7. Mỗi cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian từ 06 tháng liên tục trở lên có quyền đề cử một ứng viên vào Ban kiểm soát. Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian từ 06 tháng liên tiếp trở lên có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Nếu tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của họ nằm trong khoảng từ trên 10% đến dưới 30% thì họ được đề cử 01 người ; nếu từ 30% đến dưới 50% họ được đề cử 02 người ; từ 50% đến dưới 70% được đề cử 03 người và trên 70% được đề cử 04 người. Trường hợp đề cử tại Đại hội đồng cổ đông thành lập thì không ràng buộc thời hạn sở hữu cổ phiếu.
- 42.8. Thù lao và các chi phí công tác phát sinh hợp lý của các thành viên Ban kiểm soát được tính vào chi phí hoạt động của Công ty.

Điều 43. Tiêu chuẩn lựa chọn Kiểm soát viên.

- 43.1. Là cổ đông của Công ty hoặc có thể không phải là cổ đông của Công ty, sở hữu hoặc đại diện theo ủy quyền để ứng cử thành viên Ban kiểm soát của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần trên 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trong khoảng thời gian từ 6 tháng liên tục trở lên. Trường hợp ứng cử tại Đại hội đồng cổ đông thành lập thì không ràng buộc thời hạn sở hữu cổ phiếu.
- 43.2. Có văn bằng đại học cùng với ngành nghề kinh doanh và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty.
- 43.3. Có đủ năng lực pháp lý, năng lực hành vi và có phẩm chất đạo đức.
- 43.4. Ban kiểm soát phải có ít nhất 1 thành viên có bằng cử nhân chuyên ngành kế toán, kiểm toán, luật.
- 43.5. Những người không được làm Kiểm soát viên : theo Điều 122 Luật Doanh nghiệp 2005.
- 43.6. Các thành viên ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của công ty.

Điều 44. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm của thành viên Ban kiểm soát :

- 44.1. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề vì vi phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật.
- 44.2. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty.
- 44.3. Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi ;
- 44.4. Thành viên đó vắng mặt liên tục trong vòng 6 tháng không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát trong thời gian đó mà không được phép của Ban kiểm soát.
- 44.5. Thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.



Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

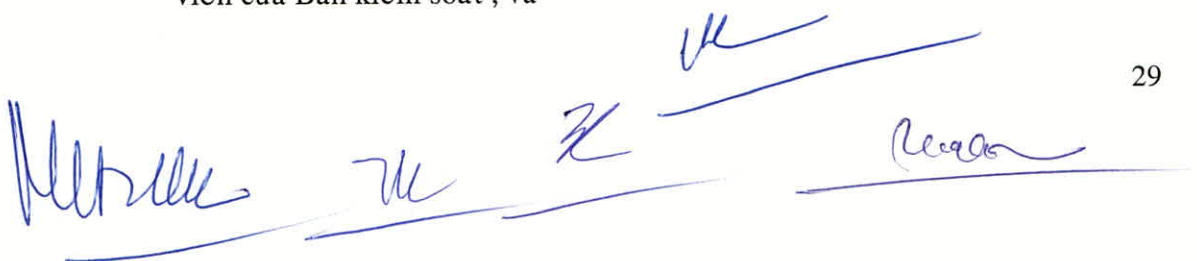
Điều 45. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.

45.1. Ban kiểm soát và thành viên của Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp 2005 và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau :

- a. Kiểm tra, kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính;
- b. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 Luật Doanh nghiệp 2005;
- c. Thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- d. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;
- e. Lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
- f. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- g. Kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi trình Hội đồng quản trị;
- h. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên muốn bàn bạc;
- i. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
- j. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban quản lý.
- k. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty khi thực thi nhiệm vụ. Thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 118 Luật doanh nghiệp 2005.

45.2. Trưởng Ban kiểm soát có quyền và trách nhiệm sau :

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát ;
- b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát ; và



- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã thông qua Ban kiểm soát và tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 46. Bộ máy điều hành Công ty

Bộ máy điều hành Công ty gồm có :

- 46.1.** Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc để điều hành Công ty, Tổng Giám đốc giới thiệu các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trình Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Thành viên Hội đồng quản trị được kiêm nhiệm các chức danh quản lý Công ty.
- 46.2.** Tổng Giám đốc là người điều hành Công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý, điều hành toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực được giao.
- 46.3.** Giúp cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về các phần việc được phân công hoặc ủy nhiệm.
- 46.4.** Các Giám đốc, Phó Giám đốc chuyên môn hoặc trưởng, phó phòng ban nghiệp vụ; Giám đốc, Phó Giám đốc bộ phận hoặc các đơn vị trực thuộc có chức năng tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành Công ty và điều hành các bộ phận trực thuộc.
- 46.5.** Lương, phụ cấp lương của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định theo quy chế lao động, tiền lương, phụ cấp, thưởng phạt trong Công ty đã được Hội đồng quản trị quyết định.
- 46.6.** Nếu Tổng Giám đốc Công ty không phải là thành viên Hội đồng quản trị thì chế độ làm việc căn cứ theo hợp đồng lao động.
- 46.7.** Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình phải thực hiện các nghĩa vụ theo Điều 119 Luật DN 2005.

Điều 47. Tổng Giám đốc.

- 47.1.** Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty, thay mặt Công ty ký kết tiến hành các giao dịch dân sự, pháp luật với các cơ quan nhà nước và các đơn vị kinh tế đối tác khác.
- 47.2.** Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và ủy nhiệm các quyền hạn cần thiết để thi hành các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quyết định của Hội đồng quản trị.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 5 năm ; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc áp dụng theo Điều 57 của Luật Doanh nghiệp 2005.

Tổng Giám đốc Công ty không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.



- 47.3.** Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm Tổng Giám đốc thì Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ một trong số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác.
- 47.4.** Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc có thể bị cách chức hoặc bãi miễn trong các trường hợp :
- Chết hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
 - Từ chức và được Hội đồng quản trị xem xét chấp thuận.
 - Tự ý bỏ nhiệm sở hoặc điều hành Công ty vi phạm pháp luật, Điều lệ của Công ty và các quyết định của Hội đồng quản trị, của Đại hội đồng cổ đông.
 - Xét thấy không đủ năng lực để đảm nhiệm các chức vụ điều hành Công ty.
 - Trở thành đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo luật định.
- 47.5.** Việc cách chức, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc phải được sự nhất trí của 2/3 thành viên Hội đồng quản trị.
- 47.6.** Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc :
- a. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
 - b. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh quản lý trong Công ty thuộc thẩm quyền trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
 - d. Quyết định lương, phụ cấp (nếu có), thưởng, phạt và các chế độ phúc lợi đối với người lao động trong Công ty, kể cả các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
 - e. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch, chương trình hành động và các phương án bảo vệ, cạnh tranh, khai thác nguồn lực của Công ty, các phương án huy động vốn cho Công ty để trình Hội đồng quản trị.
 - f. Chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước và lập phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận còn lại của Công ty để đệ trình Hội đồng quản trị.
 - g. Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp chính đáng và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, nhưng phải báo cáo ngay cho HĐQT để quyết định tiếp.
 - h. Được quyền từ chối thi hành và bảo lưu ý kiến đối với các quyết định của HĐQT nếu thấy trái pháp luật, trái qui định của Nhà nước và báo cáo giải trình ngay với HĐQT và Ban kiểm soát bằng văn bản.
 - i. Trong phạm vi quyền hạn của mình, Tổng Giám đốc có trách nhiệm ban hành các Quy chế của Công ty, ký quyết định thành lập các đơn vị phụ



thuộc nhằm đảm bảo công tác quản lý điều hành và hoạt động của Công ty có hiệu quả.

- j. Được quyền tuyển dụng, điều chuyển, kỷ luật và cho thôi việc các nhân viên và cán bộ quản lý trong Công ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc theo Luật lao động và quy chế công ty.
- k. Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng ; tư vấn cho HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác trong Hợp đồng lao động của họ. Phân công và ủy nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách từng lĩnh vực hoạt động.
- l. Chuẩn bị đầy đủ các báo cáo theo chương trình nghị sự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát yêu cầu.
- m. Đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường để giải quyết những vấn đề vượt quá quyền hạn của Tổng Giám đốc hoặc những biến động lớn trong Công ty.
- n. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn khác do HĐQT ủy nhiệm.

Điều 48. Từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.

- 48.1. Khi Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi cho Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định.
- 48.2. Khi Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải cử ngay một người có đủ điều kiện để đảm nhận công việc Tổng Giám đốc. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, Hội đồng quản trị phải tìm người thay thế và tiến hành thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.

Điều 49. Ủy nhiệm, ủy quyền.

- 49.1. Tổng Giám đốc Công ty có thể ủy nhiệm cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm về việc ủy nhiệm, ủy quyền của mình.
- 49.2. Người được Tổng Giám đốc ủy nhiệm, ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước Pháp luật về những công việc mình làm và không được ủy nhiệm, ủy quyền lại cho người khác.
- 49.3. Mọi sự ủy nhiệm, ủy quyền liên quan đến con dấu Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

CHƯƠNG V : CHẾ ĐỘ LAO ĐỘNG, QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 50. Tuyển dụng, thôi việc, sát hạch, nhận xét lao động.

- 50.1. Người lao động làm việc tại Công ty phải qua kỳ sát hạch tuyển dụng công khai và phải có Hội đồng tuyển chọn, gồm những nhà quản trị có kinh nghiệm, để thực hiện công việc thẩm tra và xét tuyển.



- 50.2.** Người lao động làm việc tại Công ty phải qua kỳ sát hạch để đánh giá năng lực, trình độ nhằm nâng cao chất lượng lao động và là cơ sở để điều chỉnh quyền lợi cho người lao động.
- 50.3.** Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày sát hạch, người đứng đầu về công tác nghiệp vụ lao động phải có bản tổng hợp nhận xét đánh giá từng người lao động trình Tổng Giám đốc.
- 50.4.** Thực hiện tuyển dụng, cho thôi việc phải phù hợp với Luật lao động và thỏa thuận trong hợp đồng lao động.

Điều 51. Nghĩa vụ, quyền lợi của người lao động.

51.1. Nghĩa vụ của người lao động :

- Người lao động có nghĩa vụ thực hiện đúng theo Luật lao động và nội qui, qui chế của Công ty.
- Người lao động có nghĩa vụ bảo vệ lợi ích của Công ty; không xâm phạm đến tài sản của Công ty; không dùng uy tín, thương hiệu của Công ty hoặc lợi dụng vị trí cá nhân trong Công ty để làm lợi cho riêng bản thân mình.
- Người lao động có nghĩa vụ đề cao tinh thần trách nhiệm, trung thực, mãn cán, gắn bó, quan tâm đến mọi hoạt động của Công ty vì lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty.

51.2. Quyền lợi của người lao động :

- Người lao động làm việc trong Công ty được đảm bảo mức lương tối thiểu và các quyền lợi khác được ghi rõ trong hợp đồng lao động. Công ty đảm bảo quyền lợi của người lao động không thấp hơn những gì mà Luật lao động và pháp luật qui định.
- Người lao động làm việc trong Công ty được hưởng các ưu đãi khuyến khích học tập nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ.
- Các quyền lợi khác của người lao động được đảm bảo theo qui chế của Công ty.

**CHƯƠNG VI : CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, QUỸ DỰ TRỮ
VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

Điều 52. Năm tài khóa, hệ thống kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.

52.1. Năm tài khóa

- Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 cùng năm.
- Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

52.2. Hệ thống kế toán

- Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống Kế Toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
- Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia.

33

Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

- Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

52.3. Báo cáo tài chính

- Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền ; Trường hợp có Công ty con thì phải gửi kèm theo bản sao có công chứng báo cáo tài chính cùng năm của Công ty con.
- Các báo cáo tài chính này được trình bày tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Sau Đại hội đồng cổ đông, các báo cáo cùng với biên bản họp Đại hội được lưu tại trụ sở của Công ty trong vòng 10 năm liền.

Điều 53. Trích lập quỹ và phân chia lợi nhuận.

53.1. Phân chia Lợi nhuận :

Lợi nhuận thực hiện của Công ty là phần còn lại sau khi lấy tổng doanh thu trừ đi các khoản chi phí hợp lý, các khoản thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước theo luật định.

Cuối mỗi niên độ, lợi nhuận thực hiện sau thuế TNDN của Công ty được phân chia như sau :

- Bù lỗ cho niên độ trước (nếu có)
- Trích lập Quỹ dự trữ bắt buộc : được trích không quá 5% từ lợi nhuận sau thuế để dự phòng bù đắp cho các rủi ro bất khả kháng trong hoạt động kinh doanh của Công ty và quỹ này được trích cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ thì không trích tiếp.
- Trích lập quỹ phát triển sản xuất, khen thưởng phúc lợi và các quỹ khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các qui định pháp luật hiện hành.
- Ngoài các quỹ trên, căn cứ vào kết quả kinh doanh hàng năm, có thể sẽ trích một phần lợi nhuận để bổ sung vào vốn. Mức trích do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- Số còn lại được chia cổ tức.

53.2. Cổ tức

- Theo quy định của Điều lệ này và theo quy định của Pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty theo mức do Hội đồng quản trị đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng thể thức bỏ phiếu.
- Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán hoặc tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
- Công ty sẽ không thanh toán bất kỳ khoản lãi nào có liên quan tới chi trả cổ tức của Công ty.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết của mình có thể qui định ngày 31 tháng 12 hàng năm làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách



Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Việc nhận các quyền lợi trên được thực hiện từ sau ngày này. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

CHƯƠNG VII : TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, THANH LÝ, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ PHÁ SẢN

Điều 54. Tổ chức lại.

54.1. Khi cần thiết, Công ty có thể được tổ chức lại bằng các phương thức sau :

- Chấm dứt tồn tại Công ty để tách thành các công ty mới cùng loại hoặc có một phần chức năng hoạt động.
- Công ty chấm dứt sự tồn tại để hợp nhất với một hoặc một số công ty khác hình thành một công ty mới.
- Công ty chấm dứt sự tồn tại để sáp nhập vào một công ty khác hoặc tiếp tục tồn tại nhưng đặt dưới sự tiếp nhận của công ty khác.
- Chuyển đổi hình thức công ty cổ phần sang hình thức doanh nghiệp khác theo Luật doanh nghiệp.

54.2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị các phương án tổ chức lại Công ty và trình ĐHĐCĐ quyết định.

Điều 55. Giải thể.

55.1. Công ty cổ phần FAHASA giải thể trong các trường hợp sau :

- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Các trường hợp khác do pháp luật qui định.

55.2. Trình tự và thủ tục giải thể thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 56. Thanh lý

56.1. Khi có quyết định chấm dứt hoạt động, Hội đồng quản trị sẽ thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Trong đó, hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

56.2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời gian đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

56.3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- Các chi phí thanh toán;
- Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;



- Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà Nước;
- Các khoản vay (nếu có);
- Các khoản nợ khác của Công ty;
- Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ trên sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Điều 57. Giải quyết tranh chấp.

57.1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác, quy định hành chính khác quy định, giữa:

- Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty;
- Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành hay Cán bộ quản lý cao cấp

thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

57.2. Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài Kinh tế hoặc Tòa án Kinh tế.

57.3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan đến thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa án phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 58. Phá sản.

Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo qui định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VIII : ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 59. Con dấu.

59.1. Con dấu chính thức của Công ty sẽ được khắc theo quy định của Pháp luật.

59.2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

59.3. Tất cả văn bản của Công ty khi phát hành chính thức phải đóng dấu Công ty trên các chữ ký của một trong các chức danh sau : Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty hoặc các viên chức quản lý Công ty được Tổng Giám đốc ủy quyền. Chữ ký các chức danh khác trong công ty không được sử dụng con dấu.

 36

Điều 60. Bổ sung và sửa đổi điều lệ.

- 60.1.** Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
- 60.2.** Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến những hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 61. Ngày hiệu lực.

- 61.1.** Bản Điều lệ này gồm 8 chương 61 điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Phát hành sách TP.HCM (FAHASA) nhất trí thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2005, thông qua việc sửa đổi bổ sung lần 1 theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên ngày 27 tháng 3 năm 2007, thông qua việc sửa đổi bổ sung lần 2 theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên ngày 31 tháng 3 năm 2008, thông qua việc sửa đổi bổ sung lần 3 theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên ngày 21 tháng 4 năm 2009, thông qua việc sửa đổi bổ sung lần 4 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 17 tháng 4 năm 2012, thông qua việc sửa đổi bổ sung lần 5 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 9 tháng 4 năm 2013, thông qua việc sửa đổi lần 6 theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên ngày 23 tháng 5 năm 2015 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
- 61.2.** Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty, có hiệu lực thi hành kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 61.3.** Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hay ít nhất quá bán số thành viên Hội đồng quản trị, mới có giá trị.
- 61.4.** Toàn thể Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc và Cán bộ công nhân viên Công ty có trách nhiệm thực hiện Điều lệ này.

TP.Hồ Chí Minh ngày 23 tháng 5 năm 2015

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

PHẠM MINH THUẬN

TRẦN THÀNH DANH

HUYỀN VĂN HỘI

LÊ THỊ THU HUYỀN

DƯƠNG THỊ THU NGUYỆT

